

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 187/2021/HC-PT

Ngày: 11-10-2021

*V/v Khiếu kiện các quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;

Ông Vũ Minh Tuấn.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhật Phương - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lê Song Lê - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 11 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 641/2020/TLPT-HC ngày 14 tháng 12 năm 2020 về việc “Khiếu kiện các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 259/2020/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố H.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7485/2021/QĐ-PT ngày 24 tháng 9 năm 2021 giữa:

1. Người khởi kiện: Ông Hoàng Bắc S, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Số nhà 18/6 phố Q, thị xã S1, thành phố H.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S1, thành phố H là ông Nguyễn Huy K.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Tạ Thanh P – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S1; Địa chỉ: Số 1, đường P1, thị xã S1, thành phố H, có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã S1, thành phố H; Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hoàng H3 - Chủ tịch.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc H1 – chức vụ: Phó Chủ tịch;

3.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã S1, thành phố H là ông Nguyễn Hoàng H3.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc H1 – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân phường; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.3. Cụ Trần Thị X, sinh năm 1931 - ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Lệ T; bà Nguyễn Thị Lệ T, sinh năm 1974; bà Hoàng Thị N, sinh năm 1962 - ủy quyền cho chị Nguyễn Thu H2, sinh năm 1989;

3.4. Ông Hoàng Văn P2, sinh năm 1962; bà Đào Thị Bạch Y, sinh năm 1974.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/9/2017, Ủy ban nhân dân phường Q có công văn số 116/UBND trả lời các ông bà Hoàng Văn P2, Nguyễn Thị Lệ T, Hoàng Anh D, Hoàng Văn S, Hoàng Thị H4, Hoàng Thị T1, Hoàng Thị N, Hoàng Bắc S về việc: ngày 27/7/2017 Ủy ban nhân dân phường Q nhận được đơn đề nghị khẩn của các ông bà có tên trên đề nghị xác định đường đi chung của ngõ xóm.

Ngày 08/9/2017, Ủy ban nhân dân phường Q nhận được đơn khiếu nại của ông Hoàng Bắc S khiếu nại đối với công văn số 116/UBND phường Q ngày 06/9/2017.

Ngày 31/10/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Q có Quyết định số 211/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần 1 của ông S.

Ông S không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 211/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Q và có đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân thị xã S1. Ngày 23/01/2018, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S1 đã giải quyết khiếu nại lần 2 đối với ông S bằng Quyết định số 60/QĐ-UBND với nội dung:

“Điều 1: Bác nội dung khiếu nại của ông Hoàng Bắc S khiếu nại Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Q về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) của ông Hoàng Bắc S đối với việc xác định đường đi chung của các hộ dân ngõ 06, khu phố 1, phố Q, phường Q, Thị xã S1...”

Ông S không nhất trí nội dung giải quyết khiếu nại số 60/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S1 nên ngày 30/01/2018 ông S đã khởi kiện ra Tòa án nhân dân Thành phố H và đã được thụ lý số 85/2018/TLST-HC ngày 16 tháng 3 năm 2018 đề nghị tuyên hủy Quyết định

giải quyết khiếu nại số 60/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S1 – Thành phố H.

Lý do ông S yêu cầu hủy quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S1:

Theo ông S trình bày thì gia đình ông sinh sống tại địa phương từ năm 1960 tại số nhà 18/6 phố Q, thị xã S1: Năm 1964, bố ông Hoàng Bắc S là ông Hoàng Văn N1 lúc đó là cán bộ Công ty vật liệu kiến thiết S1 được Ủy ban hành chính khu phố III cấp cho ông cùng vợ là bà X mảnh đất diện tích 520m² ở ngõ lò gạch để làm nhà và ổn định cuộc sống. Ông N1 và bà X sinh sống từ thời gian đó trên thửa đất được cấp. Đường đi vào thửa đất là do ông Hoàng Văn N1 tự khai hoang mở lối xây dựng và mở mang. Sau này, là ông S đổ đất, xỉ than, đổ bê tông, lát gạch và trồng cây, xây dựng công làm ranh giới giữa đường đi của gia đình ông S với đường đi chung của ngõ từ năm 1995.

Ông N1 mất năm 1994 nên các con của ông N1 gồm: ông Hoàng Bắc S, ông Hoàng Văn H5 và chị Hoàng Thị N thống nhất làm giấy ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Trần Thị X toàn được quyền sử dụng, sở hữu ngôi nhà trên diện tích đất 459,1m². Năm 2006 bà Trần Thị X có làm thủ tục tặng cho ông Hoàng Bắc S diện tích 90m² đất; tặng cho chị Hoàng Thị N con gái diện tích đất 65,3m² và đến năm 2014 bà X tiếp tục làm thủ tục tặng cho con dâu là chị Nguyễn Thị Lê T diện tích 250,9m². Tất cả thửa đất tặng cho đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về ranh giới thửa đất: Phía bên phải gia đình ông S giáp ranh với gia đình bà V ranh giới giữa hai gia đình là hàng rào bằng cây cúc tần trồng từ những năm 1960, sau đó năm 1980 gia đình bà V đã có tường bao bằng gạch và có lối đi thẳng ra ngõ lò gạch; phía bên trái (từ gia đình ông S đi ra) là nhà ông Hoàng Văn T2, gia đình ông T2 tới đây sinh sống sau gia đình ông S ít nhất là 3 năm đường đi lối lại ngay từ đầu được phân định rõ ràng. Ông S đã có giấy xác nhận của những hộ dân sinh sống lâu năm tại địa phương, xác nhận việc ông Hoàng Văn N1 tự mở lối đi ra ngõ từ những năm 1960 là các ông Nguyễn Duy Thọ, ông Lê Văn V1, ông Nguyễn Quang B. Năm 2016 các con ông T2 phá tường bao của gia đình ông T2 song song với đường đi của gia đình ông S và thông đồng với bà X để đi chung con đường riêng của nhà ông S, nhưng ông S không đồng ý. Con đường cũ của gia đình ông S trước đây có chiều rộng phía ngoài là 2,6m; phía trong là 3,3m; dài 28,5m. Hiện nay, đường đã được Thị xã đổ bê tông chiều dài 28,5m và rộng từ 3,5 đến 4m. Về phía đường đi thì từ trước chỉ có gia đình ông S đi, phía trên thì có nhà ông T2 đi chung, gia đình bà V đi đường chính ra phía ngõ 6.

Ông S không nhất trí để các hộ khác đi chung với lối đi của gia đình ông, nên ông không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại 60/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S1, thành phố H.

Đại diện người bị kiện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã S1, thành phố H trình bày:

Về nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất; việc kê khai nộp thuế sử dụng đất của gia đình bà Trần Thị X (mẹ đẻ ông Hoàng Bắc S) và ông Hoàng Văn T2, trú tại ngõ 06, phố Q, thị xã S1:

- Năm 1964, ông Hoàng Văn N1 (chồng bà Trần Thị X) lúc đó đang là cán bộ thuộc công ty vật liệu kiến thiết S1 có đơn đề nghị (đơn đề ngày 06/01/1964) gửi Ủy ban hành chính khu phố III về việc xin cấp một mảnh đất ở ngõ lò gạch để làm nhà ở. Ngày 28/2/1964, Lãnh đạo Ủy ban hành chính Thị xã ký duyệt cho phép ông Hoàng Văn N1 được làm nhà trên thửa đất với diện tích sử dụng là 520m² trong ngõ lò gạch (nay là ngõ 6, phố Q, phường Q, thị xã S1), thời điểm cấp đất không có trích lục hoặc hồ sơ thửa đất. Sau đó, ông Hoàng Văn N1 đã làm nhà sinh sống ổn định.

- Năm 1982, ông Hoàng Văn N1 chuyển nhượng 02 căn nhà lá trên một phần diện tích đất đang sử dụng cho bà Nguyễn Thị H7 (*theo giấy phép mua bán nhà của Ủy ban nhân dân thị xã S1*). Được phòng Quản lý nhà đất xác nhận việc nộp thuế trước bạ ngày 28/5/1982. Bà Nguyễn Thị H7 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 151, tờ bản số 02 của Ủy ban nhân dân thị xã S1.

- Năm 1994, ông Hoàng Văn N1 chết, các con ông N1 gồm: Ông Hoàng Bắc S, ông Hoàng Văn H5 và Hoàng Thị N thống nhất làm giấy ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Trần Thị X hoàn toàn được quyền sử dụng, sở hữu ngôi nhà trên diện tích đất 459,1m².

- Sau đó, bà Trần Thị X đã thực hiện các thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 05, tờ bản số 01, phường Q. Toàn bộ giấy tờ, tài liệu có trong hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất; Hồ sơ kỹ thuật thửa đất, biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất...) đều thể hiện diện tích thửa đất là 459,1m², không bao gồm diện tích ngõ đi chung, phù hợp với số liệu diện tích thể hiện trong bản đồ địa chính 2003. Ngày 08/10/2003, Ủy ban nhân dân thị xã S1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị X số seri S 029836, số vào sổ 00393QSDĐ/QT, thửa đất số 05, tờ bản đồ số 01, diện tích 495,1m², địa chỉ thửa đất: số 18, ngõ 06, khu phố 01, phường Q, thị xã S1, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thể hiện 01 ngõ đi chung (*không có diện tích cụ thể*) và không thuộc diện tích đất 495,1m² của bà Trần Thị X.

- Năm 2004, bà Trần Thị X chuyển nhượng 52,9m² cho bà Nguyễn Thị L. Diện tích đất còn lại là 406,2m². Năm 2006, bà X có tặng cho 90m² cho con trai

là ông Hoàng Bắc S và 65,3m² cho con gái là bà Hoàng Thị N. Phần diện tích đất còn lại bà X sử dụng 250,9m². Các nội dung biến động sau khi bà X chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất được thể hiện trên trang 4 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất seri số: S 029836, số vào sổ 00393QSDĐ/QT, đứng tên bà Trần Thị X.

- Trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 481258, Ủy ban nhân dân thị xã S1 cấp ngày 28/8/2006 cho ông Hoàng Bắc S tại thửa đất số 05, tờ bản đồ 01, diện tích 90m², địa chỉ: Số 18 ngõ 6, phố Q, phường Q cũng không thể hiện diện tích ngõ đi chung thuộc quyền sử dụng riêng của ông Hoàng Bắc S cũng như gia đình ông S.

** Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Hoàng Văn T2 lưu trữ tại phòng Tài nguyên & Môi trường Thị xã S1 thể hiện:*

- Theo xác nhận ngày 11/8/2003 của Ủy ban nhân dân phường Q tại đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của ông Hoàng Văn T2 thì thửa đất ông Hoàng Văn T2 xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc “do nhà nước cấp cho sử dụng từ năm 1962” được phòng quản lý đất đai thị xã S1 cấp giấy phép làm lại nhà ở ngày 03/12/1979.

- Ngày 30/9/2004, Ủy ban nhân dân Thị xã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri S 147801, số vào sổ 01204/QSDĐ/QT cho ông Hoàng Văn T2 tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 01, diện tích 653,4m², địa chỉ thửa đất số 08, ngõ 06, phố Q, phường Q, thị xã S1, H.Trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thể hiện 01 đường chung (*không thể hiện diện tích cụ thể*) và không thuộc diện tích 653, 4m² đất của ông Hoàng Văn T2.

- Năm 2006, ông Hoàng Văn T2 tặng cho các con quyền sử dụng đất với tổng diện tích 502,25m² và để lại 13,75m² trong diện tích đất của nhà mình để mở rộng đường đi chung của các hộ ngõ 06. Phần diện tích đất còn lại ông T2 sử dụng 137,1m².

- Tháng 7 năm 2017, phường Q thực hiện bê tông hóa đường ngõ xóm, các con ông Hoàng Văn T2 tiếp tục hiến đất mở rộng đường đi chung.

Căn cứ kết quả xác minh, cùng các tài liệu được lưu giữ thì ngõ đi chung thể hiện trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất seri số: S 029836, số vào sổ 00393QSDĐ/QT, đứng tên bà Trần Thị X, được Ủy ban nhân dân thị xã cấp ngày 08/10/2003 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri S 147810, số vào sổ 01204QSDĐ/QT, đứng tên Hoàng Văn T2, được Ủy ban nhân dân Thị xã cấp ngày 30/9/2004 không nằm trong diện tích sử dụng đất của cá nhân, hộ gia đình nào. Đồng thời, gia đình bà X và gia đình ông T2 không nộp thuế sử dụng đất đối với phần diện tích này. Do vậy, không có căn cứ để xác định ngõ đi chung nêu trên thuộc quyền sử dụng riêng của gia đình ông Hoàng Bắc S. Khiếu

nại của ông Hoàng Bắc S đối với Quyết định số 211/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của Ủy ban nhân dân phường Q là không có cơ sở.

Quan điểm của phía bị đơn, Đại diện Ủy ban nhân dân phường Q đề nghị không chấp nhận yêu cầu của ông S, giữ nguyên các văn bản, quyết định hành chính đã ban hành.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Trần Thị X (mẹ đẻ ông S), ông Hoàng Văn P2 (con trai ông Hoàng Văn T2), bà Nguyễn Thị Lệ T (con dâu bà X), bà Đào Thị Bạch Y (con dâu ông Hoàng Văn T2), chị Nguyễn Thị Hiền (con gái bà Hoàng Thị N) là những hộ gia đình hiện đang sinh sống tại ngõ 06, khu phố 1, phường Q đều thống nhất trình bày quan điểm và xác định: Lỗi đi ông S tranh chấp là lỗi đi chung của các hộ, không phải là lỗi đi riêng của gia đình ông S.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 259/2020/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020, Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định:

- Căn cứ khoản 2 Điều 3; Điều 30; Điều 32; Điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Bắc S đề nghị hủy Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S1 – thành phố H về việc giải quyết khiếu nại lần 2.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 07 tháng 10 năm 2020, người khởi kiện là ông Hoàng Bắc S có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Hoàng Bắc S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính hợp pháp của quyết định giải quyết khiếu nại số 60/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S1 – thành phố H, tuyên xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Bắc S là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông S, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 23/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S1, thành phố H có quyết định giải quyết khiếu nại của ông Hoàng Bắc S về việc giải quyết khiếu nại về quản lý đất đai. Ngày 29/01/2018, ông Hoàng Bắc S có đơn khởi kiện vụ án hành chính. Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 và Điều 30, điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Tại phiên tòa, người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S1, thành phố H và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Q; Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã S1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về thẩm quyền ban hành: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S1, thành phố H ban hành quyết định giải quyết khiếu nại là đúng quy định tại Điều 18, Điều 21 Luật khiếu nại năm 2011.

[2.2] Về nội dung: Ủy ban nhân dân phường Q, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Q, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã S1 đã căn cứ vào nguồn gốc đất cũng như diễn biến quá trình sử dụng đất của các hộ gia đình ông N1, ông T2, các hộ liên kế cũng như các tài liệu địa chính được lưu giữ tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền thể hiện: Năm 1964, ông Hoàng Văn N1 là bố đẻ của ông Hoàng Văn S được Lãnh đạo Ủy ban hành chính thị xã ký duyệt cho phép ông N1 được làm nhà trên thửa đất với diện tích là 520 thước trong ngõ lò gạch (nay là ngõ 6, phố Q, phường Q, thị xã S1). Quá trình sử dụng đất năm 1982 ông N1 có chuyển nhượng cho bà H7 một phần diện tích đất và bà H7 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1994, ông Hoàng Văn N1 chết, các con ông N1 đã thống nhất làm giấy ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Trần Thị X được toàn quyền sử dụng, sở hữu ngôi nhà trên diện tích đất 459,1m². Ngày 08/10/2003, Ủy ban nhân dân thị xã S1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị X tại thửa đất số 05, tờ bản đồ số 01, diện tích 495,1m², trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thể hiện 01 ngõ đi chung (*không có diện tích cụ thể*) và không thuộc diện tích đất 495,1m² của bà Trần Thị X. Như vậy căn cứ theo thực địa và diễn biến quá trình sử dụng đất hộ ông N1 và bà X được nhà nước công nhận sử dụng diện tích đất là 495,1m² và không có đường riêng của gia đình. Năm 2004, bà Trần Thị X chuyển nhượng 52,9m² cho bà Nguyễn Thị L nên diện tích đất còn lại của bà X là 406,2m². Năm 2006, bà X có tặng cho 90m² cho con trai là ông Hoàng Bắc S và 65,3m² cho con gái là bà Hoàng Thị N. Phần

diện tích đất còn lại bà X sử dụng 250,9m². Đến năm 2014, bà X đã làm thủ tục tặng cho con dâu là chị Nguyễn Thị Lệ T 250,9m². Việc tặng cho của cụ X đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định rõ ranh giới, vị trí và đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cụ thể ông Hoàng Bắc S được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 481258 do Ủy ban nhân dân thị xã S1 cấp ngày 28/8/2006 tại thửa đất số 05, tờ bản đồ 01, diện tích 90m², địa chỉ: Số 18 ngõ 6, phố Q, phường Q không thể hiện ngõ đi chung thuộc quyền sử dụng riêng của ông S cũng như gia đình nhà ông S. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông S đã sử dụng ổn định và không có ý kiến khiếu nại gì đối với việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân thị xã S1.

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của ông Hoàng Văn T2: Ông Hoàng Văn T2 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 06, tờ bản đồ số 01, diện tích 653,4m², địa chỉ thửa đất số 08, ngõ 06, phố Q, phường Q, thị xã S1, thành phố H. Trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thể hiện 01 đường chung (*không thể hiện diện tích cụ thể*) và không thuộc diện tích 653,4m² đất của ông Hoàng Văn T2. Năm 2006, ông Hoàng Văn T2 tặng cho các con quyền sử dụng đất với tổng diện tích 502,25m² và để lại 13,75m² trong diện tích đất của nhà mình để mở rộng đường đi chung của các hộ ngõ 06. Phần diện tích đất còn lại ông T2 sử dụng 137,1m². Tháng 7 năm 2017, phường Q thực hiện bê tông hóa đường ngõ xóm, các con ông Hoàng Văn T2 tiếp tục hiến đất mở rộng đường đi chung.

Phía người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị X (mẹ đẻ ông S), ông Hoàng Văn P2 (con trai ông Hoàng Văn T2), bà Nguyễn Thị Lệ T (con dâu bà X), bà Đào Thị Bạch Y (con dâu ông Hoàng Văn T2), chị Nguyễn Thị Hiền (con gái bà Hoàng Thị N) là những người đã ở lâu trên đất và hiện đang sinh sống trên đất ở khu vực đường ngõ có tranh chấp đều khẳng định: Lối đi ông S tranh chấp là lối đi chung của các hộ, không phải là lối đi riêng của gia đình ông S.

[3] Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 23/01/2018 của Chủ tịch UBND thị xã S1 về việc giải quyết khiếu nại của ông Hoàng Bắc S đã không chấp nhận khiếu nại là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm đã bác các yêu cầu của ông S đề nghị huỷ quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên là đúng quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử đồng tình với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội không chấp nhận kháng cáo của ông S.

[4] Về án phí: Ông Hoàng Bắc S kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Do ông S là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm hành chính theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Từ nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính;

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện là ông Hoàng Bắc S; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 259/2020/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố H;

2. Ông Hoàng Bắc S được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- Cục THADS thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Thu Hà